TRUNG TÂM KĐCLGD - ĐHQGHN
HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục I)*.

2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	**3,87**
Tiêu chuẩn 1	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	3,86
Tiêu chuẩn 7	3,60
Tiêu chuẩn 8	4,00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	**4,04**
Tiêu chuẩn 9	4,17
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	4,00

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	**3,92**
Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	3,75
Mục 4. Kết quả hoạt động	**3,98**
Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 23	4,17
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá của Trường được xác định theo từng giai đoạn; có tính ổn định, thể hiện trách nhiệm dẫn đầu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cập nhật bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và cuộc cách mạng xanh. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và tổ chức theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn; đội ngũ nhân sự và hệ thống văn bản quản trị, điều hành được rà soát và cập nhật. Các chỉ số KPIs được xác lập cho một số lĩnh vực hoạt động chính, được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chiến lược. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và được triển khai. Số lượng và năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; kết quả công việc được đánh giá theo bộ chỉ số KPIs. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện được đầu tư, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được xây dựng. Mạng lưới hợp tác đối ngoại được thiết lập, thể hiện được bản sắc và thế mạnh của Trường.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; chính sách chất lượng được xây dựng và thực hiện. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; các tồn tại được nhận diện, được khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng được hình thành theo tiếp cận chuyển đổi số, thông tin đảm bảo chất lượng bên trong hỗ trợ khá hiệu quả cho các cấp ra quyết định. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh được xác định và được triển khai thực hiện hướng tới cải tiến liên tục chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai; kết quả tuyển sinh khá ổn định. Triết lý giáo dục cơ bản được chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học. Chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học được xây dựng và vận hành tiếp cận theo chuẩn đầu ra, được điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tế và có sự tham gia của nhà tuyển dụng vào quá trình đào tạo. Phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế khá đa dạng; ngân hàng đề thi, rubrics đánh giá kết quả học tập của người học được thiết lập phù hợp với đặc thù của học phần. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được triển khai phù hợp và có các chính sách thực thi; việc quản lý được thực hiện theo quy trình.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai khá đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra, có theo dõi, giám sát, đánh giá và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian

tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo; tỷ lệ có việc làm khá cao. Số lượng và loại hình nghiên cứu gắn với yêu cầu đặc thù của lĩnh vực tài nguyên và môi trường và kết quả có tiềm năng ứng dụng. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có tác động tích cực đối với với công tác bảo vệ môi trường, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và cộng đồng, được ghi nhận, giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên có nhận thức tích cực và gắn bó với Nhà trường. Kết quả, các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập với những kết quả ban đầu đáng khích lệ. Vị trí của Nhà trường dần được khẳng định.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp tục điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, bổ sung các nội hàm của cách mạng công nghiệp 4.0 và biến đổi khí hậu, về đổi mới sáng tạo cho phù hợp với động lực phát triển của đất nước; bổ sung mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc làm mục tiêu và động lực phát triển của ngành tài nguyên và môi trường. Quan tâm xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

2. Xác định và định vị lại quỹ đạo và quan điểm phát triển của Trường theo các xu thế phát triển mới dựa trên các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, thể hiện sự quyết tâm cao, đề ra nhiều quyết sách phát triển mạnh mẽ để truyền cảm hứng và thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường. Thúc đẩy quá trình kiện toàn và nhất thể hóa chức danh Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch Hội đồng trường.

3. Bổ sung quy chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng trường - Ban Giám hiệu; tăng hiệu lực quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy theo nguyên tắc của Đảng và phù hợp thực tiễn; tăng chức năng phản biện của thành viên Hội đồng trường. Triển khai các giải pháp nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp và hiệu quả của công tác truyền thông, nhất là truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, triết lý giáo dục và các mục tiêu chiến lược. Nâng cao hiệu quả việc xây dựng và kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, thu hút sự quan tâm của xã hội vào việc thực hiện tầm nhìn và sứ mạng. Đánh giá tác động, hiệu quả của sự thay đổi khi cải tiến hệ thống văn bản quản lý; sớm sắp xếp bộ máy quản lý ở các bộ môn, phòng ban và trung tâm, viện nghiên cứu ứng dụng theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

4. Cập nhật kế hoạch chiến lược/kế hoạch thực hiện chiến lược với đầy đủ các chỉ số thực hiện chính theo kết quả đầu ra, quan tâm xác lập các chỉ số đáp ứng bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, quản trị rủi ro, mất cân bằng trong cơ cấu ngành đào tạo và công tác tuyển sinh đối với các ngành mũi nhọn. Thể hiện rõ hơn vai trò trụ cột của Trường về đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ hiệu quả và tư vấn chính sách lớn về tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững. Xác lập vị thế của Nhà trường trong quá trình tự chủ, tập trung vào mục tiêu đổi mới sáng tạo để tăng sức hút đầu tư từ Nhà nước, từ doanh nghiệp. Chú trọng về cạnh tranh nguồn lực, ưu tiên phát triển chương trình đào tạo hiện đại với cấu trúc nhân lực năng lực số - công nghệ, năng lực ngoại ngữ cho người học.

5. Có các giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng chính sách và quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách. Xây dựng bổ sung các

chính sách cốt lõi có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động về tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học. Có chiến lược khoa học công nghệ với sản phẩm chất lượng về tư vấn chính sách giáo dục cho Bộ, ngành, đặc biệt là nghiên cứu dự báo xu hướng về yêu cầu năng lực người học bám sát thị trường lao động đòi hỏi về công nghệ số, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi, dịch chuyển.

6. Rà soát trình độ và năng lực của đội ngũ nhân lực, xây dựng kế hoạch để đạt mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035. Có cơ chế và giải pháp đột phá trong thu hút, giữ chân đội ngũ chuyên gia đầu ngành và đào tạo nâng cao năng lực để tăng số lượng giảng viên trẻ trình độ tiến sĩ kế cận; tiếp tục thực hiện đồng bộ KPIs đánh giá kết quả, đãi ngộ theo kết quả và hiệu quả công việc. Thường xuyên lấy ý kiến về sự hài lòng các bên liên quan trong rà soát, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy trình về nguồn nhân lực để cải tiến phù hợp với chiến lược phát triển Trường. Rà soát và chuyển đổi lao động hợp đồng theo nghị định mới để đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

7. Bổ sung không gian thư viện, đầu tư nâng cấp thiết bị và cải tiến môi trường, sức khỏe; đảm bảo công tác an toàn phòng cháy chữa cháy, đặc biệt tại các khu vực thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành. Tổ chức xuất bản giáo trình nội sinh, mua bản quyền tài liệu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến LMS. Có giải pháp tăng nguồn thu theo hướng đa dạng, tăng cường các hoạt động/lĩnh vực tiềm năng qua đào tạo ngắn hạn, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo quốc tế, tư vấn... Cân đối nguồn thu để ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chuyển giao công nghệ và thương mại hóa. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và môi trường học tập đáp ứng khả năng tiếp cận đối với những người có nhu cầu đặc biệt.

8. Quy định cụ thể đơn vị đầu mối quản lý hoạt động đối ngoại; ban hành đầy đủ các chính sách, quy định, hướng dẫn cụ thể, trong đó chú trọng hoạt động hợp tác đối ngoại quốc tế; tham gia nhiều hơn các dự án hợp tác quốc tế, triển khai các chương trình liên kết đào tạo, thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên. Nghiên cứu thiết lập các chỉ số về phát triển đối ngoại phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tận dụng, phát huy hiệu quả quan hệ hợp tác của các cá nhân giảng viên với các nhà khoa học, giảng viên của các cơ sở giáo dục nước ngoài để có các đầu tư nguồn lực phù hợp nâng cao chất lượng đội ngũ, khoa học công nghệ gia tăng giá trị học thuật và nâng cao giá trị và uy tín của Nhà trường.

9. Rà soát và đảm bảo đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển chiến lược và kế hoạch hàng năm về đảm bảo chất lượng giáo dục; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp cho cán bộ chuyên trách để thực hiện được các mục tiêu chiến lược đảm bảo chất lượng. Tăng cường các giải pháp đảm bảo chất lượng các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng. Quan tâm xây dựng cơ chế và đầu tư nguồn lực để thực hiện cải tiến chất lượng hậu kiểm định. Xây dựng giải pháp tích hợp và hoàn thiện các hệ thống thông tin để phục vụ việc ra quyết định quản trị một cách hiệu quả. Xây dựng, hoàn thiện các công cụ đánh giá và giám sát chất lượng theo từng lĩnh vực tương ứng.

10. Có các biện pháp cải tiến chất lượng triệt để dựa trên các phát hiện từ hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài. Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng; rà soát và cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, phân tích kết quả

để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng, bao gồm cách thức thu thập dữ liệu, xử lý và trích xuất dữ liệu. Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả hơn nữa công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị đại học để hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, cải tiến chất lượng.

11. Triển khai giải pháp công nghệ để tích hợp và đồng bộ các phần mềm quản lý thông tin phục vụ đảm bảo chất lượng giáo dục. Xây dựng và phát triển bổ sung các phần mềm/giải pháp công nghệ theo các nhóm chức năng bao gồm các kết quả khảo sát, kết quả phân tích thông tin, số liệu để đảm bảo sẵn có, bao gồm các chỉ số thị trường để phục vụ kịp thời yêu cầu quản trị, quản lý Nhà trường.

12. Thực hiện lựa chọn các cơ sở giáo dục có sự tương đồng về định hướng, bối cảnh, quy mô phát triển để xây dựng thang đo chuẩn. Xem xét đối sánh với những cơ sở giáo dục có mức độ phát triển cao hơn để nhận diện những điểm cần cải tiến, khắc phục, hướng tới thực hiện tầm nhìn và mục tiêu phát triển. Bổ sung các chỉ số thị trường của cơ sở giáo dục để so chuẩn đối sánh và cải tiến chất lượng, bao gồm các kết quả đối sánh, xếp hạng có tham gia. Nghiên cứu các chỉ số của các trường trong mạng lưới AUN để xác lập các chỉ số về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có lộ trình tham gia hệ thống xếp hạng trong nước và quốc tế để cải tiến chất lượng, hướng đến đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn.

13. Có các chính sách truyền thông quảng bá tuyển sinh cho từng ngành/nhóm ngành, trình độ và các ngành nghề đặc thù, đa dạng hóa các biện pháp truyền thông. Nghiên cứu các chính sách đủ mạnh để thu hút người học sau đại học; tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ đầu vào để tạo nguồn, có học bổng, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu và xuất bản quốc tế, có ký túc xá dành riêng cho nghiên cứu sinh,… Tiếp tục cải tiến quy định, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học để có những cải tiến kịp thời và hiệu quả. Sớm cập nhật quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

14. Tăng cường công tác giám sát, nâng cao hiệu quả tổ chức việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Nâng cao hiệu lực của văn bản quy định về cấu trúc/thời lượng của luận văn thạc sĩ/đề án. Rà soát cấu trúc các chương trình đào tạo về tỷ lệ khối kiến thức ngành/chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học; tỷ lệ khối kiến thức nhóm chuyên ngành/chuyên ngành trong chương trình sau đại học; giảm tỷ lệ các học phần có thời lượng 1-2 tín chỉ, bổ sung đầy đủ các đề cương chi tiết học phần trong các chương trình đào tạo. Nghiên cứu bổ sung kiến thức đại cương chung về môi trường và phát triển trong tất cả các ngành học.

15. Có các chiến lược và chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên có tính đột phá cho từng ngành nghề. Đồng bộ việc tổ chức các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học, rà soát đề cương chi tiết học phần giữa các khoa, bộ môn và có kế hoạch cho từng kỳ, từng năm học, có báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến để hành động. Có hướng dẫn cụ thể để truyền tải triết lý giáo dục vào chương trình đào tạo và thiết kế các hoạt động dạy-học; đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề, tăng kiến thức thực tế cho người học.

16. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn giảng viên thiết kế các hoạt động đánh giá người học phù hợp với chuẩn đầu ra; có quy định và hướng dẫn thực hiện đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Thực hiện giám sát việc xây dựng ma trận liên kết câu hỏi thi với chuẩn đầu ra của học phần; phân tích đánh giá sự phù hợp của phương

pháp kiểm tra đánh giá đã sử dụng để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra. Triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tăng cường các hình thức thi đánh giá được tư duy và kỹ năng của người học; nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá các lĩnh vực khác như Affective, Psychomotor; tăng cường các loại hình đánh giá thực (performance assessment), test tâm lý… có hướng dẫn giảng viên lựa chọn, sử dụng phù hợp.

17. Chủ động phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp để có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Thành lập đơn vị chuyên trách hoạt động tư vấn hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, tổ chức các hoạt động; tích cực kết nối với các nhà tuyển dụng để tăng cơ hội việc làm và thực tập hướng nghiệp cho người học. Nghiên cứu điều chỉnh tiêu chí, thang đo khảo sát đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập, nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ.

18. Có các giải pháp có tính đột phá trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ, quy chế, kế hoạch liên quan; có các hoạt động tăng cường chất lượng khoa học công nghệ và ứng dụng chuyển giao công nghệ, tăng nguồn thu cho Trường. Có cơ chế khuyến khích tăng số lượng người học tham gia nghiên cứu khoa học, tăng số lượng công bố khoa học, nhất là các công bố chung với đối tác trong nước/quốc tế. Rà soát các chỉ tiêu về kết quả hoạt động khoa học công nghệ, chú trọng đến đánh giá cả về số lượng và chất lượng của kết quả nghiên cứu. Tăng cường tham vấn, khảo sát ý kiến các bên liên quan về tổ chức quản lý hoạt động khoa học công nghệ để tiếp tục hoàn thiện các chính sách; nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

19. Tăng cường công tác truyền thông về bản quyền, sở hữu và khai thác tài sản trí tuệ. Xây dựng kế hoạch cụ thể, các quy định và giải pháp, cơ chế để triển khai thực hiện trong quản lý và khai thác tài sản trí tuệ; có chiến lược tạo tài sản trí tuệ và khai thác tài sản trí tuệ hướng tới thương mại hóa để tăng nguồn thu và phục vụ cộng đồng. Sử dụng các phần mềm về quản lý khoa học, chống đạo văn... để tăng hiệu quả công tác quản lý, lưu trữ tài sản trí tuệ. Có quy định cụ thể, chi tiết về việc rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm về tài sản trí tuệ.

20. Sớm xây dựng và ban hành quy định về tổ chức quản lý các hoạt động hợp tác phát triển, có các chính sách, cơ chế cụ thể trong hợp tác nghiên cứu khoa học. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu có thế mạnh, chú ý phát huy vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường tìm kiếm, xúc tiến hợp tác với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng để có nhiều các kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển giao công nghệ. Chú trọng công tác rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; sử dụng các ý kiến góp ý của các bên liên quan để cải thiện chất lượng của các hoạt động.

21. Rà soát để đảm bảo thống nhất giữa hệ thống các chính sách phục vụ cộng đồng với chiến lược phát triển tổng thể và chiến lược phục vụ cộng đồng; xây dựng các KPIs để tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả cụ thể của các chính sách. Mở rộng nội hàm của phục vụ cộng đồng, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể, có cơ chế ghi nhận, đánh giá kết quả thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên, góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

22. Có chính sách tăng nền tảng giáo dục khai phóng ở các chuyên ngành chất lượng cao để tạo học vấn nền cho người học tốt nghiệp làm việc ở khu vực công. Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát kết quả khách quan của quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan.

Nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, coi trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư duy sáng tạo và dẫn dắt của giảng viên là điều kiện căn cơ để tăng mức độ hài lòng từ người học. Xây dựng chiến lược tư vấn việc làm cho người tốt nghiệp, thúc đẩy cơ hội trải nghiệm có thách thức để tiến bộ trong tương lai.

23. Cân đối nguồn ngân quỹ để đẩy mạnh chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, người học và các nhóm nghiên cứu mạnh đi đôi với việc giám sát kết quả đầu ra. Có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp. Tổ chức/khuyến khích người học tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, hình thành không gian, hệ sinh thái khởi nghiệp trong Nhà trường, hướng tới triển khai thành lập các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo để xác lập, giám sát và đối sánh với các đối tác trong và ngoài nước để có các giải pháp phát triển phù hợp.

24. Tận dụng các lợi thế đặc thù để thiết lập loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng và các chỉ tiêu thực hiện, khối lượng công việc đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trên cơ sở tham chiếu với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Xây dựng văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh với các chỉ số, chỉ báo cụ thể để có các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học để đảm bảo hiện thực hóa các chính sách, làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng phù hợp.

25. Hoàn thiện bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường; quản lý các chỉ số quan trọng, cốt lõi theo chiến lược phát triển Trường; thường xuyên thu thập thông tin, phân tích để đánh giá xu hướng thay đổi. Rà soát và đánh giá các chỉ số thị trường trên cơ sở yếu tố chất lượng về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; đối sánh với các cơ sở giáo dục phù hợp. Tăng cường hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước để tăng nguồn thu, phát triển bền vững, đa dạng hóa nguồn thu. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng. Xây dựng lộ trình và phát triển thương hiệu HUNRE; tăng cường quảng bá, truyền thông để đẩy mạnh gia tăng vị thế của Nhà trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.